TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ,TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Sơn

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Sông Lô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24 /2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; Địa chỉ ĐKHKTT: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi cư trú: Thôn Y, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc;(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị kết hôn với anh Bùi Văn T ngày 24/10/2017 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh T ngay. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh T ham chơi không tập trung phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình có giàn xếp hòa giải nhưng không thành và vợ chồng không có biện pháp cỉa thiện tình cảm. Nay chị xác định đời sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức A, sinh ngày 24/7/2018 và Bùi Quang M, sinh ngày 19/11/2019. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị và cháu M đang ở cùng anh T. Ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và để anh T được nuôi dưỡng cháu M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân tại công ty TNHH JOOYOEN với mức lương thu nhập bình quân hàng tháng là 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ tại xã Đ và bố mẹ chị đồng ý hỗ trợ chị trong việc chăm sóc nuôi con cùng chị. Vì vậy chị xác định có đủ điều kiện chăm lo sinh hoạt hàng ngày đối với cháu A được tốt nhất và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L không đề nghị Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn T có quan điểm trình bày: Anh kết hôn với chị L năm 2017, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kêt hôn tại UBND xã T, huyện Sông Lô. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có chơi lô đề và có nợ nần, còn chị L cũng chơi tài xỉu trên mạng và có nợ nần, tuy nhiên nợ của ai người đó tự trả. Cuối năm 2022 chị L về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng. Nay chị L đề nghị giải quyết ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Đức A, sinh ngày 24/7/2018 và Bùi Quang M, sinh ngày 19/11/2019. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị L và cháu M đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được quyền trực

tiếp nuôi dưỡng cháu M và để chị L được nuôi dưỡng cháu A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Anh T không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì đương sự chấp hành tương đối đúng các quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T. Về nuôi con chung: Đề nghị giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và anh T được nuôi dưỡng cháu M. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Quyền thăm nuôi con không ai được cản trở.Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Văn T kết hôn ngày 24 tháng 10 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Sông Lô là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh Tiến ham chơi không tập trung làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn anh T, anh Tcũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Như vậy có thể thấy tình trạng vợ chồng đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, việc chị L xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là Bùi Đức A, sinh ngày 24/7/2018 và Bùi Quang M, sinh ngày 19/11/2019. Hiện nay cháu A đang ở cùng chị L và cháu M đang ở cùng anh T. Chị L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu M. Xét quan điểm đề nghị nuôi con của chị L và anh T thấy rằng về điều kiện nuôi con của anh chị hiện đang làm công nhân có thu nhập lương hàng tháng là có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Hơn nữa hiện nay các con đang sinh hoạt ổn định cùng anh chị. Vì vậy để đảm bảo sinh hoạt và sự phát triển toàn diện của các con, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh chị về người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T và chị L không đề nghị giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị L, anh T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấn nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con là Bùi Đức A, sinh ngày 24/7/2018; anh T được nuôi dưỡng, chăm sóc con là Bùi Quang M, sinh ngày 19/11/2019. Hiện nay cháu A đang ở

cùng chị L và cháu M đang ở cùng anh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0002695 ngày 17/02/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP, hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng